

PHỤ LỤC 1

CÁC MẪU GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TÀI SỔ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BTTTT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHO THIẾT BỊ VTĐ: 1. Thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba).
2. Thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không như: đài bờ (không liên lạc qua vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn,...(trừ các đài tàu biển, tàu bay).

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI : CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP			
1.1. Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân)	Số		Ngày cấp
	Cấp tại		
1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu là tổ chức)	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
1.3. Tài khoản	Số		Ngân hàng
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu		<input type="checkbox"/> Đồng ý <input type="checkbox"/> Không đồng ý
1.4. Địa chỉ liên lạc			
1.5. Địa chỉ trụ sở chính / thường trú			
1.6. Số FAX/ số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)	
1.8. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp
	Cơ quan cấp		
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	<input type="checkbox"/> Cấp mới cho thiết bị (..... tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Gia hạn chogiấy phép số (..... tờ của Phụ lục 2) <input type="checkbox"/> Bổ sung hoặc thay đổi chogiấy phép (.....tờ của Phụ lục 1) <input type="checkbox"/> Ngừnggiấy phép số..... (.....tờ của Phụ lục 3)		
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không		
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG			
5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CAM KẾT			
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.			
5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.			
5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiều có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.			
5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng – ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.			
5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.			

*Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan
(ký tên và đóng dấu)*

*Làm tại, ngày..... tháng..... năm.....
Người khai ký, ghi rõ họ tên*

**PHỤ LỤC 1
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC**

Cấp mới **Sửa đổi, bổ sung**

Tờ số:/tổng số tờ của Phụ lục 1:

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng vô tuyến điện:

Thiết bị thu				
Tham số kỹ thuật				
1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy				
1.2. Băng tần số				
1.3. Độ nhạy (dBm)				

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng vô tuyến điện:

Thiết bị phát				
Tham số kỹ thuật				
2.1. Số giấy chứng nhận hợp quy				
2.2. Các mức công suất phát				
2.3. Kiểu điều chế				
2.4. Phương thức phát				
2.5. Dải tần thiết bị	Phát			
	Thu			
2.6. Dải thông (kHz) hoặc tốc độ truyền (Kb/s)				
2.7. Tồn hao Fider (dB/m)				
2.8. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ				
2.9. Ăng-ten	a. Kiểu			
	b. Kích thước (m)			
	c. Dải tần làm việc			
	d. Độ cao so với mặt đất (m)			
	đ. Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°)			
	e. Hệ số khuếch đại (dBi)			
	g. Kinh độ (° ' " E)			
	h. Vĩ độ (° ' " N)			
i. Hướng tính	D <input type="checkbox"/> / ND <input type="checkbox"/>	D <input type="checkbox"/> / ND <input type="checkbox"/>	D <input type="checkbox"/> / ND <input type="checkbox"/>	
k. Phân cực				
2.10. Hồ hiệu đề nghị				
2.11. Giờ hoạt động				
2.12. Đối tượng liên lạc				
2.13. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....	<input type="checkbox"/> 1 năm <input type="checkbox"/> 2 năm <input type="checkbox"/> 3 năm Khác:.....	
2.14. Mục đích sử dụng				
2.15. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ				
3. Sử dụng mã hoá (khi dùng chung tần số)	<input type="checkbox"/> Có . Loại mã: <input type="checkbox"/> Không.			
4. Tổng số thiết bị trong mạng				
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

HƯỚNG DẪN**KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTD (MẪU 1a)****I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông, 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 04.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng – Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3827857 / Fax: 031.3827420

Khu vực 2: Lô 6 khu E – Khu đô thị mới An Phú An Khánh – Phường An Phú – Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 08.37404179; Fax: 08.37404966

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 038. 3833511; Fax: 038. 3849518

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An trung - Quận Sơn trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0511.3933545; Fax: 0511.3933707

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 058.3892567; Fax: 058.3824410.

Khu vực 4: 386-Cách mạng Tháng Tám, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0710.3832760; Fax: 0710.3832760

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504
Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 1a: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTD; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các thiết bị vô tuyến điện riêng lẻ thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba); thuộc nghiệp vụ lưu động hàng hải, lưu động hàng không như: đài bờ (không liên lạc với vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn,...(trừ các đài tàu biển, tàu bay) và các trường hợp ngoài phạm vi áp dụng các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g, 1h, 1i, 1k, 1m.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa họ tên của cá nhân hoặc tên hợp pháp của tổ chức, hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh nhân dân (hộ chiếu) đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc số Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

- Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, của hộ kinh doanh, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.
- Điểm 1.6. Ghi số fax/ số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).
- Điểm 1.7. Chỉ áp dụng đối với tổ chức hoặc hộ kinh doanh đề nghị cấp giấy phép. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/ di động và địa chỉ email của người kê khai.
- Điểm 1.8. Chỉ áp dụng cho trường hợp quy định của pháp luật về viễn thông yêu cầu cần phải có giấy phép thiết lập mạng viễn thông tương ứng.

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị đề nghị cấp giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho cấp mới vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép và ghi rõ số lượng giấy phép và tổng số tờ của Phụ lục 2 vào chỗ trống. Khai các thông số trong Phụ lục 2 dành cho gia hạn. Trường hợp đề nghị gia hạn số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép và thời gian đề nghị gia hạn vào chỗ trống của dòng khai dành cho gia hạn, không cần khai trong Phụ lục 2.
- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kì nội dung nào trong giấy phép (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của Phụ lục 1 dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Khai các thông số kỹ thuật, khai thác trong Phụ lục 1 dành cho trường hợp sửa đổi, bổ sung.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" và ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi tổ chức, cá nhân đồng thời đề nghị gia hạn và sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép trên cùng một bộ hồ sơ.
- Đánh dấu "X" vào ô "Ngừng" khi giấy phép còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị ngừng sử dụng. Ghi số lượng giấy phép đề nghị ngừng sử dụng và tổng số tờ của Phụ lục 3 vào chỗ trống. Trường hợp đề nghị ngừng số lượng ít giấy phép có thể ghi trực tiếp số giấy phép vào chỗ trống của dòng khai dành cho ngừng sử dụng và không cần khai Phụ lục 3.

Điểm 3: Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/ không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4: Ghi các thông tin cần bổ sung (nếu có).

Phụ lục 1: Thông số kỹ thuật, khai thác

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện.
- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Phụ lục 1 khi đề nghị cấp mới. Mỗi tờ khai của Phụ lục được dùng để kê khai cho 3 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị) tương ứng với 3 cột. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai một lần vào một cột và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Phụ lục.
- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Phụ lục 1 khi bổ sung, sửa đổi. Mỗi giấy phép cần sửa đổi, bổ sung khai vào một cột; ghi rõ số giấy phép, tên thiết bị vào hàng đầu tiên của cột (riêng đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải áp dụng hướng dẫn tại Mục 2.15 dưới đây). Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.
- Ghi tên thiết bị đề nghị cấp mới vào hàng thứ nhất của các cột.

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng VTĐ:

Ghi tên thiết bị thu, ký hiệu (model) của thiết bị tại hàng đầu tiên của các cột.

1.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: ghi số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

1.2. Băng tần số: Là băng tần số mà thiết bị làm việc.

1.3. Độ nhạy: Là độ nhạy của thiết bị được tính theo đơn vị dBm.

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng VTĐ:

Ghi tên thiết bị phát, ký hiệu (model) của thiết bị tại hàng đầu tiên của các cột.

2.1. Số giấy chứng nhận hợp quy: ghi số giấy chứng nhận hợp quy của thiết bị.

2.2. Các mức công suất phát: Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

2.3. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị như: AM, FM, PSK, FSK,...

2.4. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

2.5. Dải tần thiết bị: Là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

2.6. Dải thông hoặc Tốc độ truyền: Khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó (theo đơn vị Kb/s).

2.7. Tổn hao Fider (dB): Bằng tổn hao trên 1 mét Fider (dB/m) nhân với chiều dài Fider (m).

2.8. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ:

- Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

- Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện cụ thể (ví dụ: ô tô, tàu hỏa,...), lưu động trong phạm vi nào.

2.9. Ăng-ten phát:

a. Kiểu ăng-ten: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipol, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Kích thước: Là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

c. Dải tần làm việc: Khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

d. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

đ. Góc phương vị của hướng bức xạ chính: là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

e. Hệ số khuếch đại: Tính theo đơn vị dBi.

g, h. Kinh độ, vĩ độ: ghi theo độ, phút, giây của thiết bị đặt cố định.

i. Hướng tính: Đánh dấu “X” vào các chỗ trống, D tương ứng với có hướng, ND tương ứng với vô hướng.

k. Phân cực: Khai phân cực của an ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...

2.10. Hồ hiệu đề nghị: là hồ hiệu do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dây hồ hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng (lưu ý: khi hoạt động sẽ phải sử dụng các hồ hiệu đã được cấp phép).

2.11. Giờ hoạt động: Khai giờ hoạt động của thiết bị trong ngày. Ví dụ: từ 5 giờ đến 14 giờ. Nếu khai thác liên tục 24/24, ghi là H24. Nếu hoạt động vào các giờ bất kỳ trong ngày, ghi là Hx.

2.12. Đối tượng liên lạc: ghi rõ hồ hiệu của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với nhau.

2.13. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/04/2016” (ghi theo ngày/tháng/năm).

2.14. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

- 2.15. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải khi sửa đổi, bổ sung.
- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng và khai đầy đủ các thông số.
 - Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu là thiết bị thuộc loại mới.
 - Ghi huỷ bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.
3. Chỉ áp dụng đối với đài bờ trong trường hợp dùng chung tần số theo quy định. Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.
4. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải. Ghi tổng số thiết bị trong mạng.
5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục 2: Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị gia hạn. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị gia hạn, ngày hết hạn của giấy phép, thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày , ví dụ: 03/12/2015).

Phụ lục 3: Thông báo ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

Mỗi hàng trong phụ lục được ghi cho một hoặc nhiều (nếu các số giấy phép liên tục) giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện đề nghị ngừng sử dụng. Ghi rõ số giấy phép (hoặc từ số đến số) đề nghị ngừng sử dụng, ngày hết hạn của giấy phép, ngày bắt đầu ngừng sử dụng (ví dụ: 03/12/2015).

Người khai phải ký, ghi rõ họ tên. Đối với các Cơ quan, tổ chức phải có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan.
